

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HS-ST

Ngày 11/3/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tường Thị Thu;
2. Ông Hoàng Văn Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 10/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024, đối với:

***Bị cáo NÔNG NGỌC Q**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 03/11/1992 tại huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn NB, xã HL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; con ông Ma Đức T, sinh năm 1969 và bà Nông Thị T (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/12/2023, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, *(có mặt tại phiên tòa)*.

***Bị hại:**

- Ma Văn L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn T, xã HL, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, *(có mặt tại phiên tòa)*.

- Hoàng Văn Đ, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn C, xã HL, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, *(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)*.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Đăng Văn V, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn NC, xã KĐ, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, *(có mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, Nông Ngọc Q được ông Ma Đức T (là bố đẻ của Q) giao quyền quản lý, sử dụng đồi cây keo của gia đình tại khoảnh 201A, thửa đất số 375, tờ bản đồ số 01 theo bản đồ giao đất lâm nghiệp xã HL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thuộc thôn NB, xã HL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Ngày 29/12/2022, Nông Ngọc Q bán cây gỗ Keo tại khu đồi trên cho Đăng Văn V với giá 27.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận Đăng Văn V trả trước cho Nông Ngọc Q 8.500.000 đồng, số tiền còn lại V sẽ trả cho Q khi khai thác cây xong. Sau đó do nợ nần nên Q nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng cách che giấu thông tin Q đã bán đồi cây cho Đăng Văn V để tiếp tục bán cho người khác, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 03/02/2023, Nông Ngọc Q biết Ma Văn L có nhu cầu thu mua gỗ Keo nên Q đã liên hệ với L để bán đồi cây. Sau khi đi xem đồi cây xong, Q và L thỏa thuận, Q bán đồi cây cho L với giá 25.000.000 đồng. Sau đó L đưa cho Q 25.000.000 đồng (quá trình mua bán, Q không nói cho L biết đồi cây Keo, Q đã bán cho Đăng Văn V).

- Lần 02: Tháng 6/2023 (không xác định ngày cụ thể), Nông Ngọc Q tiếp tục bán đồi cây keo nêu trên cho Hoàng Văn Đ với giá 20.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong Hoàng Văn Đ đã trả 20.000.000 đồng cho Nông Ngọc Q để mua đồi cây. Sau đó Đ phát hiện sự việc Q đã bán đồi cây cho V và L nên Q đã trả lại tiền cho Đ (quá trình mua bán, Q không nói cho Đ biết đồi cây Keo, Q đã bán cho Đăng Văn V và Ma Văn L).

Đến ngày 23/11/2023, Ma Văn L phát hiện sự việc Nông Ngọc Q đã bán cây Keo của mình nên đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Nông Ngọc Q đã bồi thường cho Ma Văn L số tiền 25.000.000 đồng; Đăng Văn V yêu cầu Nông Ngọc Q bồi thường số tiền 8.500.000 đồng. Hoàng Văn Đ không đề nghị Nông Ngọc Q phải bồi thường.

Ngày 05/02/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa đã ra Cáo trạng số 12/CT-VKSCH truy tố bị cáo Nông Ngọc Q về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Kết thúc phân xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Ngọc Q phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Về hình phạt chính: Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị

cáo Nông Ngọc Q từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 26/12/2023).

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Nông Ngọc Q do bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, buộc bị cáo Nông Ngọc Q phải bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Văn V số tiền 8.500.000 đồng và thiệt hại về tài sản số tiền là 1.200.000 đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị hại anh Ma Văn L trình bày: Đã nhận được số tiền 25.000.000đ bị cáo chiếm đoạt, không có yêu cầu gì thêm về phần bồi thường dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nông Ngọc Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Văn V có mặt tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về vai trò có đồng phạm trong vụ án đối với bị cáo Nông Ngọc Q, việc bị cáo phạm tội phải là 03 lần đối với cả hành vi đã giao dịch thỏa thuận lần đầu với anh V, số tiền chiếm đoạt phải trên 50 triệu đồng và yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 8.500.000 đồng ngoài ra còn yêu cầu bị cáo phải thanh toán số tiền thiệt hại về tài sản của số tiền 8.500.000đồng là 1.200.000đồng (số tiền anh V đã chi phí cho việc đi lại để khai thác nhưng đều bị anh Q gây cản trở và trì hoãn việc khai thác đồi cây).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nông Ngọc Q đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng; nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Cơ quan điều tra Công an huyện; Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện, trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, đại diện bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nông Ngọc Q khai nhận hành vi phạm tội của mình; nội dung nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 03/02/2023 và tháng 6/2023 (không xác định được ngày cụ thể) tại thôn NB, xã HL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, Nông Ngọc Q đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt tài sản 02 lần cụ thể:

- Lần 01: Ngày 03/02/2023, Nông Ngọc Q đã có hành vi gian dối bán đổi cây keo không thuộc quyền sở hữu của mình cho Ma Văn L, chiếm đoạt số tiền 25.000.000 đồng.

- Lần 02: Tháng 6/2023 (không xác định ngày cụ thể), Nông Ngọc Q đã có hành vi gian dối bán đổi cây keo không thuộc quyền sở hữu của mình cho Hoàng Văn Đ, chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền Nông Ngọc Q đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là: 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*).

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Như vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa truy tố bị cáo Nông Ngọc Q về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tính chất của hành vi phạm tội, nhân thân: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, động cơ mục đích vụ lợi. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối làm cho những người có nhu cầu mua tài sản (keo) không thuộc sở hữu của mình tin tưởng và giao tiền cho bị cáo, sau đó bị cáo đã chiếm đoạt số tiền mua tài sản là 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*).

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có hành vi gian dối bán đổi cây keo không thuộc quyền sở hữu của mình cho Ma Văn L, chiếm đoạt số tiền 25.000.000 đồng; sau đó lại gian dối bán tiếp cho Hoàng Văn Đ, chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Phạm tội 02 lần trở lên*" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tự nguyện trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại Ma Văn L và Hoàng Văn Đ; tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức về pháp luật còn hạn chế; tại phiên tòa bị

hại Ma Văn L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận xấu. Vì vậy, cần phải có một mức án phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn trong phạm vi đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ.

Đối với nội dung trình bày ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Văn V tại phiên tòa:

+ Về nội dung xác định có đồng phạm trong vụ án cùng với bị cáo Q thực hiện hành vi lừa đảo: Trong quá trình điều tra, truy tố cơ quan tiến hành tố tụng xác định hành vi lừa đảo do bị cáo Q thực hiện một mình không có đồng phạm khác nên không có căn cứ xem xét về ý kiến này của anh V.

+ Về nội dung anh V cho rằng bị cáo Q thực hiện hành vi lừa đảo là 03 lần bao gồm cả hành vi đã giao dịch thỏa thuận lần đầu với anh V, số tiền bị cáo Q chiếm đoạt phải trên 50 triệu đồng: Hội đồng xét xử xác định giao dịch thỏa thuận mua bán đôi cây lần đầu của bị cáo Q đối với anh V là giao dịch dân sự thông thường, giao dịch hợp pháp không có gian dối, cưỡng ép, hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định nên không có căn cứ xác định bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội 03 lần và số tiền chiếm đoạt trên 50 triệu đồng nên không có căn cứ xem xét nội dung này.

+ Về nội dung anh V yêu cầu bị cáo Q phải thanh toán số tiền thiệt hại về tài sản của số tiền 8.500.000đồng là 1.200.000đồng (số tiền anh V đã chi phí cho việc đi lại để khai thác nhưng đều bị anh Q gây cản trở và trì hoãn việc khai thác đôi cây), bị cáo Q nhất trí bồi thường cho anh V, việc bồi thường là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt bị hại Hoàng Văn Đ xác nhận đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường gì; tại phiên tòa bị hại Ma Văn L xác nhận đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường gì thêm. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn V yêu cầu bị cáo Q phải hoàn trả số tiền 8.500.000đồng và số tiền 1.200.000đồng là thiệt hại về tài sản, bị cáo tự nguyện nhất trí bồi thường cho anh V; Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận giữa bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là hoàn

toàn tự nguyện, cần áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự ghi nhận sự thỏa thuận trên.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự; các Điều 135, 136; 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

* Tuyên bố: Bị cáo Nông Ngọc Q phạm tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

- Về hình phạt: Xử phạt Nông Ngọc Q 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 26/12/2023).

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nông Ngọc Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Văn V, buộc bị cáo Q phải có nghĩa vụ bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Văn V tổng số tiền là 9.700.000 đồng (*chín triệu bảy trăm nghìn đồng*).

" Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

- Về án phí: Bị cáo Nông Ngọc Q phải chịu 200.000^d (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 242.500^d (*hai trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/3/2024). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- Sở Tư pháp;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan CSĐTCA huyện Chiêm Hóa;
- Cơ quan THAHSCA huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Bộ phận HSNV CA huyện Chiêm Hóa;
- Bị cáo; Bị hại,
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ + án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh